

Số: 50/2024/QĐST-HNGĐ

Ngày: 08/7/2024.

“V/v Yêu cầu công nhận
thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi
con chung”

**QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC
YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**Thành phần giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự
thỏa thuận của các đương sự gồm có:**

- Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Cường - Thẩm phán
- Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 300/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa:

*** Người yêu cầu:**

- Anh **Quách Văn H**, sinh năm 1984; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC B, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: KDC B, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: KDC Đ, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người được anh H, chị N ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990; Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh H, chị N, chị C đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ ĐÌNH:

*** Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/4/2010. Sau khi kết hôn, chị N về nhà anh H sinh sống tại KDC B, phường V, thành phố C cùng với gia đình nhà chồng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân

là do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, cách chi tiêu cho kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã, căng thẳng. Trong năm đó chị N đã bế con chung về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên từ đó vợ chồng ít liên lạc. Năm 2015 chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan còn anh H vẫn ở nhà, đến năm 2023 anh H cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nhưng ở Đài Loan anh chị không gặp nhau do đã mâu thuẫn từ lâu không thể hòa giải được. Ngày 04/5/2024 chị N đã quyết định về hắt Việt Nam để nuôi dạy, kèm cặp con học hành cho tốt và vẫn không về nhà chồng sinh sống. Gia đình cũng hai bên đã khuyên bảo, hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh H và chị N đều xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đã thống nhất việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H và chị N được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Thanh M, sinh ngày 20/01/2011, hiện cháu đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị N và bà ngoại tại KDC Đ, phường V, thành phố C, tỉnh Dương. Khi ly hôn chị N và anh H đều thống nhất cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, chị N hiện nay có công việc và nơi ở đủ điều kiện để nuôi con, nên chị N tự nguyện không yêu cầu anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N. Cháu M trình bày quan điểm là muốn tiếp tục ở cùng với mẹ vì cháu muốn ở với mẹ hơn và cháu đang sinh sống, học tập ổn định cùng với mẹ, sức khỏe của cháu vẫn tốt và phát triển bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp anh H, chị N đều có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết việc: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Công nhận thỏa thuận của vợ chồng, giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Quách Thanh M, sinh ngày 20/01/2011 cho đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết;

Về lệ phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và

gia đình được thăm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, chị Nguyễn Thị N hiện đang sinh sống tại thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn của anh H và chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đã ủy quyền cho chị Vũ Thị C giao nộp các tài liệu, gồm: Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, văn bản trình bày ý kiến, đơn xin giải quyết vắng mặt, ủy quyền cho chị C đến giao nhận tài liệu. Đơn yêu cầu, các văn bản trình bày ý kiến, văn bản ủy quyền của anh H đều có xác nhận của Văn phòng K tại Đ, là hợp pháp.

Anh H, chị N đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/4/2010 nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, cách chi tiêu nên thường xuyên cãi vã, căng thẳng trong gia đình và năm 2013, chị N đã bế cháu M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng ít liên lạc và sống ly thân đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay anh H và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh H và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Quách Thanh M, sinh ngày 20/01/2011, hiện đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị N và bà ngoại tại KDC Đ, phường V, thành phố C, tỉnh Dương, còn anh H vẫn đang làm việc ở nước ngoài. Chị N và anh H đều thống nhất đề nghị Tòa án giao cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, chị N hiện nay có công việc và nơi ở đủ điều kiện để nuôi con, nên cả chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy thoãn thuận về người trực tiếp nuôi con chung và việc tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng con chung, đảm bảo cho con chung có điều kiện được chăm sóc đầy đủ và phát triển bình thường, nên cần công nhận thỏa thuận tự nguyện này của các đương sự, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản: Anh H, chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Quách Văn H và chị Nguyễn Thị N về việc nuôi dưỡng con chung, giao cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Quách Thanh M, sinh ngày 20/01/2011 từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Quách Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0000708, ký hiệu: BLTU/23 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị N đã nộp đủ lệ phí).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn Đức, thành phố Chí Linh (để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN, Tòa HC.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Văn Cường